

BÁO CÁO TÓM TẮT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018, 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019;
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 5 THÁNG CUỐI NĂM 2019
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN

Khu vực miền Trung - Tây nguyên (MT-TN) gồm 15 tỉnh, thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích tự nhiên toàn khu vực là 102.035 km², chiếm hơn 30% diện tích tự nhiên của cả nước, bao gồm vùng ven biển một phần Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên với tổng chiều dài bờ biển hơn 1.456 km. Dân số của cả khu vực là trên 16,6 triệu người, chiếm hơn 18% dân số cả nước.

Nằm ở vị trí thuận tiện về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, việc giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các tỉnh thuận lợi nhờ đường sắt và Quốc lộ 1A xuyên suốt chiều dài nhiều tỉnh. Đồng thời khu vực còn có thể giao thương với các nước như Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và xa hơn là các nước Nam Á và vùng Tây Nam Trung Quốc thông qua trục hành lang kinh tế Đông - Tây và hệ thống các Quốc lộ 14, 19, 24, 25, 29...

Đây là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú về rừng, núi, biển, đảo, vịnh nước sâu, đất đai, di sản văn hóa lịch sử... có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế với các ngành chủ lực như: Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, thủy điện, điện gió, điện mặt trời, công nghiệp đóng tàu; công nghiệp cơ khí; sản xuất thiết bị điện, điện tử, công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...

Phát huy những lợi thế tiềm năng cộng với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Bộ, ngành Trung ương cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 15 tỉnh, thành phố khu vực MT-TN, ngành Công Thương của 15 tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã đạt được những kết quả đáng kể trong năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019.

I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP.

1. Tình hình sản xuất công nghiệp năm 2018.

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp: Đa số các địa phương khu vực MT-TN có chỉ số sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn bình quân cả nước là 10,2%. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, đây là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng lớn của ngành.

1.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) của toàn khu vực (không tính tỉnh Khánh Hòa) đạt 443.953 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2017. Sản xuất công nghiệp năm 2018 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều tỉnh trong khu vực vẫn duy trì mức tăng trưởng, một số tỉnh đạt mức tăng trưởng cao như: Quảng Trị (+15,47%); Quảng Ngãi (+13,4%); Quảng Nam (+12,8%); Đắk Nông (+10,4%); Ninh Thuận (+9,5%); Kon Tum (+9,3%); Đà Nẵng (+9,2%); Thừa Thiên Huế (+9%).

2. Tình hình sản xuất công nghiệp 7 tháng đầu năm 2019

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp: Một số tỉnh, thành phố trong khu vực có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao là: Kon Tum (+16%); Đắk Nông (+11,2%); Lâm Đồng (+10,6%); Thừa Thiên Huế (+9,6%); Quảng Trị (+9%).

2.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010): toàn khu vực (không tính tỉnh Khánh Hòa) 7 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, ước đạt 262.216 tỷ đồng, tăng 6,84% so với cùng kỳ. Một số tỉnh đạt mức tăng trưởng cao như: Đắk Nông (+21,3%); Lâm Đồng (+10,9%); Phú Yên (+10%); những tỉnh tăng trưởng +9%: Quảng Trị; Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk.

2.3. Về tiêu chí số 4 (Điện): Đến nay, có 1.575/1.686 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 93,42% tổng số xã của vùng, cao hơn bình quân chung cả nước (90%).

3. Tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (CCN)

3.1. Về tình hình phát triển các Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp: Tính đến tháng 7/2019, toàn khu vực có 13 khu kinh tế (với tổng diện tích 364.247 ha, có 673 dự án đi vào hoạt động với tổng số vốn thực hiện 409.664 tỷ đồng); 57 khu công nghiệp (với tổng diện tích 11.210 ha, có 1.651 dự án đi vào hoạt động với số vốn thực hiện 208.374 tỷ đồng, tạo việc làm cho khoảng 144.068 lao động).

3.2. Về tình hình phát triển CCN: Theo quy hoạch phát triển CCN đến năm 2020, khu vực MT-TN có 377 CCN với tổng diện tích 10.975 ha. Đến nay, có 234 CCN được thành lập với tổng diện tích 6.878 ha; có 207 CCN với tổng diện tích 5.787 ha đi vào hoạt động, thu hút gần 2.000 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký của các dự án là 38.247 tỷ đồng, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 62%; tạo việc làm cho khoảng 78.000 lao động. Toàn khu vực có 18 CCN có công trình xử lý nước thải đang hoạt động.

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1. Hoạt động thương mại năm 2018

1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: Đạt 697.209 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2017, thấp hơn mức tăng bình quân cả nước (+11,7%), chiếm tỷ trọng 15,86% so với cả nước. Một số tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao như: Lâm Đồng (+24,8%); Đắk Nông (+19,3%); Ninh Thuận và Kon Tum (+13,7%); Gia Lai và Bình Định (+13,5%); Khánh Hòa (+12,6%); Phú Yên (+12,1%). Các địa phương chiếm tỷ trọng cao trong toàn khu vực: Khánh Hòa 95.000 tỷ đồng (chiếm 13,63%); Đà Nẵng 90.200 tỷ đồng (chiếm 12,94%); Đắk Lắk 70.000 tỷ đồng (chiếm 10%); Bình Định 65.137 tỷ đồng (chiếm 9,34%).

1.2 Tình hình xuất, nhập khẩu

a. Xuất khẩu: Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đạt trên 8.445,1 triệu USD (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam), tăng 10,4% so với năm 2017, thấp hơn mức tăng bình quân cả nước (+13,8%), chiếm tỷ trọng 3,45% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Một số tỉnh có mức tăng cao so với năm 2017 như: Kon Tum (+54,1%); Quảng Ngãi (+29%); Lâm Đồng (+19,7%); Ninh Thuận (+12,7%).

Các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Đà Nẵng 1.597 triệu USD, Khánh Hòa 1.300 triệu USD, Đắk Nông 1.123 triệu USD, Thừa Thiên Huế 864,25 triệu USD, Bình Định 800 triệu USD... Đà Nẵng, Khánh Hòa và Đắk Nông đã vượt qua ngưỡng 1 tỷ USD xuất khẩu/năm.

b. Nhập khẩu: Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đạt gần 5.175,8 triệu USD (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam), tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Hoạt động thương mại 7 tháng đầu năm 2019

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: Ước đạt 444.622 tỷ đồng, tăng 12,4% so với cùng kỳ và đạt 56,9% kế hoạch năm 2019. Trong đó: Có 5/15 tỉnh có mức tăng từ 14% trở lên là: Quảng Nam (+19,1%); Lâm Đồng (+18,8%); Bình Định (+14,5%); Đắk Lắk (+14,3%); Ninh Thuận (+14,1%). Các địa phương chiếm tỷ trọng cao trong toàn khu vực: Khánh Hòa 60.340 tỷ đồng (chiếm 13,57%); Đà Nẵng 56.350 tỷ đồng (chiếm 12,67%); Đắk Lắk 45.547 tỷ đồng (chiếm 10,24%); Bình Định 42.364 tỷ đồng (chiếm 9,53%).

2.2. Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt gần 5.384,5 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ và đạt 59% kế hoạch năm 2019 (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam). Trong đó: Các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đắk Nông, Thừa Thiên Huế, Bình

Định. Các địa phương có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn khu vực: Quảng Ngãi 50,2%; Phú Yên 24,8%; Lâm Đồng 18%; Thừa Thiên Huế 13,5%; Bình Định và Khánh Hòa 13,2%.

b. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MTTN 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 3.087,6 triệu USD (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam), tăng 6,6% so với cùng kỳ và đạt 61% kế hoạch năm 2019.

2.3. Về tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)

Toàn vùng có 1.151/1.686 xã đạt chuẩn tiêu chí số 7, chiếm 68,27% tổng số xã của vùng, thấp hơn bình quân chung cả nước (85,5%).

3. Tình hình phát triển hạ tầng thương mại: Tính đến tháng 7/2019, đã thực hiện đầu tư so với quy hoạch là: 1.536 chợ (đạt 94,29%); 172 siêu thị (đạt 54,95%); 32 Trung tâm thương mại (đạt 36,17%); 3.047 cửa hàng xăng dầu (tăng 42,51%); 4.181 cửa hàng LPG (tăng 2,2 lần); 7 Tổng kho hàng hoá (tăng 2,3 lần); 02 Trung tâm hội chợ triển lãm (đạt 14,28%); 01 Trung tâm logistic (tại Đà Nẵng) và 02 Kho ngoại quan.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng chương trình, đề án phát triển ngành Công Thương

Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, các Chương trình, Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương.

Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đã được Sở Công Thương các tỉnh, thành phố tập trung xây dựng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp - thương mại phù hợp, thống nhất với quy hoạch tổng thể của địa phương. Các quy hoạch đã góp phần quan trọng trong việc định hướng phát triển ngành Công Thương khu vực phía Bắc cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố. Chủ động tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện tốt các chương trình, đề án, cơ chế chính sách phát triển ngành Công Thương phục vụ nhu cầu phát triển và phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

2. Công tác quản lý công nghiệp

- Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp để tham mưu cho các cấp có thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”; Hướng dẫn UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các thủ tục bổ sung quy hoạch, thành lập mới, đầu tư mở rộng các CCN.

- Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển

công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Xây dựng chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn.

- Báo cáo kết quả thực hiện các đề án thuộc Chương trình Khuyến công quốc gia và địa phương năm 2018, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2019. Triển khai xây dựng Chương trình Khuyến công đến năm 2020.

3. Công tác quản lý năng lượng

- Tham mưu hướng dẫn việc giao nhận quản lý vận hành hệ thống điện được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cho ngành điện quản lý.

- Phối hợp các ngành, địa phương khảo sát địa điểm đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió và tham mưu UBND tỉnh, thành phố trình Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện. Chỉ đạo các đơn vị vận hành tăng cường cảnh báo để đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du khi vận hành nhà máy thủy điện.

- Phối hợp chặt chẽ với các Công ty Điện lực địa phương triển khai phương án đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Thường xuyên tổ chức kiểm tra hành lang an toàn lưới điện cao áp và các tổ chức kinh doanh điện đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động như: Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Giờ trái đất; Tổ chức triển khai vận động các hộ gia đình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà; Phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng; Hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho các cơ sở công nghiệp.

- Công tác phát triển điện nông thôn cũng được các Sở tích cực triển khai thông qua các chương trình, đề án, dự án cải tạo nâng cấp lưới điện hạ áp nông thôn nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

4. Công tác quản lý kỹ thuật, an toàn môi trường công nghiệp

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Triển khai thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

- Triển khai đến các doanh nghiệp Chỉ thị của Bộ Công Thương về tăng cường công tác An toàn-Vệ sinh lao động-Phòng chống cháy nổ trong ngành Công Thương; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất, Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

- Triển khai đến các doanh nghiệp hoạt động hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Hóa chất; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa,

ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, tiếp tục thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp,...

5. Công tác quản lý về an toàn thực phẩm:

- Tham mưu triển khai công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý ngành Công Thương theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm phù hợp với phân cấp của Bộ Công Thương và Kế hoạch số 2280/KH-BCT ngày 03/4/2019 của Bộ Công Thương về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương năm 2019.

- Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm Ngành Công Thương, trong đó tập trung tại các cơ sở sản xuất, Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ dân sinh và cao điểm là “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” tổ chức hàng năm. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố về phân cấp, chuyển giao nhiệm vụ quản lý nhà nước ATTP cho cấp xã quản lý. Rà soát ban hành mới và bãi bỏ TTHC đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành Công Thương; Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý ATVSTP trên địa bàn các tỉnh.

6. Công tác khuyến công

Năm 2018, đã thực hiện 427 đề án khuyến công, tăng 6,2% so với năm 2017, trong đó khuyến công quốc gia 53 đề án, khuyến công địa phương 374 đề án. Tổng kinh phí thực hiện trên 53,938 tỷ đồng, trong đó khuyến công quốc gia 24,44 tỷ đồng; khuyến công địa phương 29,49 tỷ đồng.

Đến hết tháng 7 năm 2019, tổng kinh phí khuyến công ước thực hiện đạt trên 17,16 tỷ đồng, đạt 30,4% kế hoạch năm; trong đó: Khuyến công quốc gia 5,04 tỷ đồng, đạt 20,8% kế hoạch; khuyến công địa phương 12,12 tỷ đồng, đạt 37,5% kế hoạch năm.

7. Công tác quản lý thương mại, xuất nhập khẩu

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình bình ổn giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn tỉnh, thành phố trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Xây dựng và triển khai phương án dự trữ hàng hóa phòng chống thiên tai hàng năm.

- Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức có hiệu quả các Chương trình tháng bán hàng khuyến mại, phiên chợ hàng Việt, đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, đưa hàng Việt qua biên giới. Triển khai xây dựng các điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu, tổ chức các buổi giao thương, gặp gỡ, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng; tăng cường quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và

kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử theo chương trình phát triển thương mại điện tử. Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động Sàn giao dịch thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố.

- Kịp thời thông tin, tuyên truyền nội dung chủ yếu các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết đến cộng đồng doanh nghiệp. Triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái bình Dương (CPTPP) góp phần đẩy mạnh công tác Hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Công tác xúc tiến thương mại

- Trong năm 2018, toàn Vùng đã hỗ trợ 426 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; thực hiện 1 lần “tháng bán hàng khuyến mại”; 68 đợt đưa hàng Việt về nông thôn và thông báo cho 71.605 lượt doanh nghiệp thực hiện Chương trình khuyến mại Quốc gia, xác nhận cho 604 doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại.

- Trong 7 tháng đầu năm 2019, toàn khu vực đã hỗ trợ 198 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; tổ chức 35 đợt đưa hàng Việt về nông thôn và thông báo cho 26.575 lượt doanh nghiệp thực hiện Chương trình khuyến mại quốc gia

9. Công tác thanh tra, pháp chế

- Duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực Công Thương thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Công tác thanh tra được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo tính xác thực, cụ thể, đảm bảo tính pháp lý cao trên cơ sở các quy định của pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thường xuyên thông qua các hình thức như: Tổ chức tập huấn, đăng tải lên website Sở, gửi văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp...

- Công tác tiếp dân được các Sở quan tâm, duy trì thường xuyên; các đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết nhanh, dứt điểm, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

10. Công tác cải cách hành chính

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính. Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân.

- Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin điện tử, áp dụng chữ ký số đối với một số lĩnh vực tại các Sở nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thời gian và kinh phí trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý nhà nước tại Sở Công Thương; thực hiện tốt Quy chế “Một cửa”, duy trì thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kết quả đúng thời hạn, đúng pháp luật.

IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Các nội dung đã thực hiện

- Duy trì thường xuyên việc trao đổi thông tin thông qua việc gửi Báo cáo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm giữa Sở Công Thương các tỉnh, thành trong khu vực.

- Thường xuyên tổ chức, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu trong khu vực nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong khu vực gặp gỡ, tìm kiếm cơ hội hợp tác xúc tiến đầu tư, tăng cường các hoạt động liên kết, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giao thương giữa các địa phương trong khu vực.

Ngoài ra Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm về triển khai các lĩnh vực thuộc ngành quản lý tại các địa phương trong khu vực.

2. Những mặt hạn chế

- Hoạt động liên kết vùng còn yếu và lỏng lẻo, chưa có cơ chế liên kết chặt chẽ, mới chỉ dừng lại ở các sự vụ, chưa trở thành động lực lan tỏa liên kết phát triển vùng.

- Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương trong khu vực còn hạn chế trong việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng như trao đổi, chia sẻ thị trường cho các doanh nghiệp trong khu vực.

- Chưa có sự liên kết chặt chẽ trong công tác xây dựng quy hoạch phát triển các lĩnh vực của ngành Công Thương trong khu vực, chưa có sự phối hợp đồng bộ nhằm vừa phát triển toàn khu vực, vừa phát huy và khai thác tốt lợi thế so sánh của từng địa phương.

- Hệ thống hạ tầng của khu vực MT-TN như đường giao thông, cảng biển, sân bay... vẫn còn thiếu đồng bộ và thiếu kết nối thống nhất trong toàn khu vực.

- Các doanh nghiệp trong khu vực MT-TN đa số là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, thị trường còn hạn chế, chưa xây dựng được các thương hiệu lớn.

V. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Những kết quả đạt được

- Hoạt động sản xuất công nghiệp của khu vực có mức tăng trưởng khá, cơ cấu nội bộ công nghiệp có bước chuyển dịch với tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo tăng dần.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khu vực MT-TN có mức tăng cao hơn mức tăng chung của cả nước. Công tác xúc tiến thương mại được đẩy mạnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường, giải phóng hàng tồn kho. Việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức

các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, miền núi, qua biên giới đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Công tác thanh tra kiểm tra được thực hiện thường xuyên góp phần ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật trong kinh doanh.

- Các tỉnh trong khu vực đã chủ động mở rộng tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới thâm nhập, các doanh nghiệp đã tận dụng khai thác nhiều lợi thế hàng hóa Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan do các Hiệp định Thương mại tự do song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp, thương mại được quan tâm đầu tư, cải thiện. Việc đầu tư phát triển CCN đã bước đầu đáp ứng được mặt bằng sản xuất.

- Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Công Thương được chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả; Tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn giúp doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn, giảm thiểu thời gian chờ đợi cho người dân và doanh nghiệp.

2. Những hạn chế

- Công tác quy hoạch ngành công nghiệp, thương mại nhìn chung chưa đồng bộ, còn thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa đảm bảo được tính thống nhất, hài hòa trong liên kết phát triển vùng.

- Chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh đã được ban hành, nhưng việc hướng dẫn cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện còn chậm.

- Ngành công nghiệp tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, chưa bền vững, chất lượng chưa cao, khả năng cạnh tranh còn hạn chế; đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ hiện đại còn chậm.

- Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN còn chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư; công tác xúc tiến đầu tư vào các khu, CCN, một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chậm triển khai hoặc triển khai nhưng không đúng tiến độ.

- Hệ thống mạng lưới hạ tầng thương mại phát triển chậm, các loại hình thương mại hiện đại đã hình thành nhưng chưa nhiều; việc ứng dụng và phát triển thương mại điện tử vẫn chưa được các doanh nghiệp thật sự quan tâm.

- Thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình kinh tế trong và ngoài nước đến các doanh nghiệp chưa kịp thời. Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Trình độ quản lý, mức độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật và năng lực dự báo thị trường còn hạn chế, bị động trong bối cảnh hội nhập quốc tế; thiếu nhiều chuyên gia giỏi, giàu kinh nghiệm.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 5 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mức tăng bình quân chung của cả nước.

2. Giá trị sản xuất công nghiệp phân đầu đạt 220.152 tỷ đồng, đưa giá trị sản xuất cả năm 2019 đạt 482.368 tỷ đồng, đạt 101,18% kế hoạch năm, tăng 8,65% so với năm 2018.

3. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân đầu đạt 338.387 tỷ đồng, đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2019 đạt 783.009 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 12,3% so với năm 2018 (*Bộ Công Thương dự kiến cả nước tăng 11,5-12%*).

4. Kim ngạch xuất khẩu phân đầu đạt 3,6 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2019 đạt 8,99 tỷ USD, đạt 98,1% kế hoạch năm, tăng 6,4% so với cùng kỳ (*Quốc hội phê duyệt cả nước dự kiến tăng 7-8%*).

5. Kim ngạch nhập khẩu đạt 2,26 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm 2019 đạt 5,35 tỷ USD, đạt 106,1% kế hoạch năm, tăng 3,4% so với năm 2018.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Đối với lĩnh vực công nghiệp

1.1. Tập trung hoàn thành nhiệm vụ xây dựng các đề án, cơ chế chính sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Thực hiện quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch, đề án bảo đảm sự phù hợp và tính liên kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển Công Thương của khu vực MT-TN.

1.2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào hoạt động.

1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

1.4. Tiếp tục phổ biến, quán triệt thực hiện Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCM; Khẩn trương hoàn thành xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng

hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm hoàn thiện hạ tầng các CCN; Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các CCN hiện có; Chú trọng công tác bảo vệ môi trường đối với CCN, phân đầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại tất cả CCN đã quy hoạch trên địa bàn...

1.5. Thực hiện có hiệu quả các đề án Khuyến công từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, phát triển sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm các chương trình đề án đã thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác khuyến công.

2. Đối với hoạt động thương mại

2.1. Phát triển thương mại trong nước

- Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố xây dựng Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho người dân trong các tháng cuối năm 2019 và Tết nguyên đán 2020.

- Tham mưu cơ chế chính sách khuyến khích thu hút đầu tư các dự án trọng điểm phát triển hạ tầng thương mại. Thu hút đa dạng các nguồn vốn nhằm phát triển hạ tầng thương mại.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình Xúc tiến thương mại, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. thực hiện tốt cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu của địa phương.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử nhằm hiện đại hóa quy trình kinh doanh, xây dựng chuỗi cung ứng thông minh, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế. Thực hiện tốt kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn xây dựng chuỗi giá trị sản xuất, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ...

2.2. Xuất nhập khẩu

- Tập trung nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa xuất khẩu, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu, thiết bị công nghệ lạc hậu và các loại hàng hóa, vật tư trong nước đã sản xuất được.

- Tăng cường đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, tăng cường tìm kiếm, mở rộng thị trường. Tạo điều kiện cho các doanh

nghiệp xuất khẩu có cơ hội giao thương với các thị trường tiềm năng nhằm tăng khả năng xuất khẩu. Cùng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội, ngành nghề nhằm liên kết, hỗ trợ nhau trong quá trình tổ chức sản xuất, xuất khẩu và xúc tiến thương mại.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp về cung cấp thông tin và cách phòng tránh, xử lý tranh chấp thương mại; nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại đối với các hiệp hội, doanh nghiệp; cung cấp thông tin về pháp luật và thông lệ quốc tế, tình hình thị trường xuất khẩu, các quy định của các nước sở tại đối với các sản phẩm chủ lực.

3. Công tác cải cách hành chính

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các thủ tục hành chính; ứng dụng phần mềm quản lý, chữ ký số, áp dụng dịch vụ công trực tuyến vào công tác giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” theo quy định đảm bảo công khai, đúng thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

4. Các công tác khác

- Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền các cơ chế, chính sách, văn bản mới liên quan đến cộng đồng doanh nghiệp. Kịp thời tuyên truyền, phổ biến nội dung và lộ trình thực hiện các cam kết FTA; triển khai tốt các nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các tỉnh có đường biên giới với các nước.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở công nghiệp...

- Tập trung thực hiện tiêu chí số 4 (điện) và tiêu chí số 7 (cơ sở hạ tầng nông thôn) theo kế hoạch của từng tỉnh, thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hành chính và chuyên ngành việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công thương như: an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất, VLNCN, điện lực, an toàn thực phẩm... tại các doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác, phát huy sức mạnh liên kết Vùng

- Căn luật hóa và xây dựng mô hình và các công cụ cụ thể để quản lý hoạt động liên kết vùng; Nghiên cứu xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, một cơ chế tài chính và tính pháp lý đủ cao cho cơ quan điều phối các hoạt động liên kết vùng; Cơ quan điều phối các hoạt động liên kết vùng là cơ quan hoạch định chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng nhằm đảm bảo có sự phân công giữa các địa phương trong Vùng.

- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các địa phương trong cả nước nhằm tạo cơ chế phối hợp trong công tác quản lý phát triển ngành Công Thương, chú trọng hợp tác về đầu tư, liên kết sản xuất, cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp trong khu vực. Liên kết mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề cho người lao động tại các địa phương, phối hợp tốt trong triển khai, thực hiện công tác quản lý Ngành./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Cục CTĐP;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC